

# 入学願書

## Application Form

学校法人中部いちい学園

ToBuCo専門学校長 殿

<併願>  
他の学校もうける場合  
Có đang dự thi vào trường khác /  
Apply to other schools

<専願>  
ToBuCoだけうける場合 / Chỉ dự thi mỗi ToBuCo /  
Apply to only ToBuCo

※<特待生の人>  
推薦書がある人、専願の人。/Students who have "Recommendation" and apply to only ToBuCo/  
Là học sinh có Giấy đề cử.  
※※<一般受験の人>  
推薦書がない人。併願の人。Students who don't have "recommendation" and apply to ToBuCo and other schools./  
Là học sinh không có Giấy đề



志望学科 Department Ngành học	ビジネス総合科		併願	専願
フリガナ/Kana	グエンバンア			1998年 8月 5日生
出願者氏名 Name Họ tên	NGUYEN VAN A			男 <input checked="" type="radio"/> 女 <input type="radio"/> 出願日現在 21 歳 Age/ tuổi
現住所 Address Địa chỉ	〒( 500 )-( 8326 ) 岐阜県岐阜市吹上町1-20			
電話番号 TEL Điện thoại	080 - 1234 - 5678	国籍 Nationality/Quốc tịch	ベトナム	
母国での最終学歴 Final Education (your country) Cấp học cuối cùng (ở nước mình)	学校名 School Name Tên trường	NGUYEN THAI HOC 高校		1996年 7月 <input checked="" type="radio"/> 卒業
	所在地 School Address Địa chỉ	TU LIEM - THANH XUAN - HA NOI-VIET NAM		
保護者または 身元保証人 (学生不可) Guardianor (except a student) Người bảo lãnh (Ngoại trừ học sinh)	名前 Name Tên	NGUYEN VAN B		続柄/Relationship (Quan hệ) 父 54 歳
	住所 Address Địa chỉ	〒( )-( ) 電話番号/TEL ( +8436 ) 1234 - 5678 2/3- XOM X-TU LIEM - THANH XUAN - HA NOI-VIET NAM くわしく書く/Details/Ghi chi tiết		
※試験日	月 日	※受付日	月 日	※納入額 全・分
				※受付者

\*願書は、入学手続き・クラス名簿作成以外には使用致しません

認  
印

(切り取らないこと)

## 受験票 ToBuCo専門学校 ビジネス総合科

※この受験票を似て領収証にかえさせていただきます。

フリガナ/Kana	グエンバンア		
氏名 Name Tên	NGUYEN VAN A		
受験番号	試験日時	月 日 午前・午後 時 分	試験会場 ToBuCo専門学校



受験票は試験日に必ず持参すること

受験料収納印

## 受験料収納控 ToBuCo専門学校

フリガナ/Kana	グエンバンア	性別	電話番号/TEL	※収納印
氏名 Name/ Tên	NGUYEN VAN A	男 <input checked="" type="radio"/> 女 <input type="radio"/> Male Female	080-1234-5678	
受験番号	選考料 ¥10,000			係員